|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****HUYỆN SA THẦY** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc** |
| Số: 127/TTr-UBND | *Sa Thầy, ngày 27 tháng 6 năm 2017* |

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị thông qua kế hoạch giảm nghèo theo phương pháp**

**tiếp cận đa chiều huyện Sa Thầy giai đoạn 2016 - 2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện khóa X, kỳ họp thứ tư.

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 -2020;

Căn cứ Quyết định 1722/QĐ-TTg ngày 02/09/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016- 2020;

Thực hiện Nghị quyết 06/NQ-TU, ngày 24/8/2016 của Tỉnh ủy về giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều giai đoạn 2016- 2020;

Thực hiện Nghị quyết 87/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum thông qua đề án giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành đề án giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020;

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện khóa X, kỳ họp thứ 4 nhiệm kỳ 2016-2021 xem xét, quyết định phê duyệt kế hoạch giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều trên địa bàn huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020, với các nội dung chủ yếu sau:

**I. MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2016-2020**

**1. Mục tiêu chung**

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản *(y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin).*

 - Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa có chất lượng và có giá trị kinh tế cao đồng thời gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ nhằm nâng cao thu nhập cho nhân dân.

Đến cuối năm 2020 giảm 30% tỷ lệ hộ nghèo so với đầu năm 2016; xóa tình trạng nhà tạm, nhà dột nát; các chương trình, dự án đầu tư phải hướng vào hỗ trợ học nghề giải quyết việc làm, tăng thu nhập đẩy mạnh các chương trình vay vốn lãi suất thấp tạo điều kiện cho người nghèo, cận nghèo phát triển sản xuất tăng thu nhập.

- Tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm bình quân giảm 6%, trước mắt tập trung các nguồn vốn từ các chương trình dự án hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất, hỗ trợ cho người nghèo, cận nghèo có nhu cầu học nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người nghèo, cận nghèo áp dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và chăn nuôi gia súc, gia cần tăng năng xuất lao động.

**2. Mục tiêu cụ thể**

- Hộ nghèo đầu năm 2016 là **4.658** hộ, chiếm tỷ lệ 40,30%, đến cuối năm 2020 còn lại **1.360** hộ, chiếm tỷ lệ **10,34** % hộ nghèo/hộ dân cư *(phụ lục 1).*

- Hộ cận nghèo đầu năm 2016 là **983** hộ, tỷ lệ **8,50**% cuối năm 2020 giảm còn **4,39**% hộ cận nghèo/hộ dân cư *(phụ lục 2).*

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và dân sinh trên địa bàn các xã, đảm bảo phục vụ có hiệu quả đời sống và phát triển sản xuất của người dân:

+ 100% xã có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân.

- Phấn đấu đến cuối năm 2020 có 2 xã: Sa Bình, Hơ Moong thoát khỏi xã đặc biệt khó khăn.

 - 100% người nghèo, người cận nghèo và người dân tộc thiểu số ở các xã vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Quyết định 1049/QĐ-TTg được cấp thẻ BHYT.

 - 90% người nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện được sử dụng nước hợp vệ sinh.

 - 100% hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận các dịch vụ y tế, khám, chữa bệnh, 100% trẻ em trong độ tuổi được đến trường học tập.

 - Giải quyết chính sách vay vốn cho hộ nghèo, vay vốn tín dụng ưu đãi đầu tư cho sản xuất và chăn nuôi, kinh phí dự kiến cho vay khoảng 37 tỷ.

- Hỗ trợ vay vốn xây dựng nhà ở cho 413 hộ nghèo khó khăn về nhà ở trên địa bàn huyện theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 giai đoạn 2 của Thủ tướng Chính phủ.

 - Hướng dẫn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, hỗ trợ giống cây trồng vật nuôi cho người nghèo theo chương trình khuyến nông.

- Tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn (2016 - 2020) là 1.500 lao động, bình quân mỗi năm đào tạo 300 lao động, đào tạo các nghề ngắn hạn.

 - Thực hiện miễn giảm học phí, các khoản đóng góp khác cho 100% học sinh con hộ nghèo.

 - Hàng năm giới thiệu việc làm cho người lao động vào làm việc tại các công ty, Doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn huyện 100 lao động.

- Phối hợp với Công ty, Doanh nghiệp tổ chức tư vấn giới thiệu việc làm, thông chương trình xuất khẩu lao động, đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài mỗi năm đưa đi 10 lao động, phấn đấu đến cuối năm 2020 đưa được 50 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

**II. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN**

Nguồn vốn từ các chương trình chính sách, dự án giảm nghèo do UBND tỉnh giao dự toán hàng hàng năm từ các nguồn chương trình 135, 102, 28, Nghị đinh 86/NĐ-CP; Quyết định 167 giai đoạn II, Quyết định 2085 ngày 31/10/2016; Nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ NHCSXH; Đề án cao su tiểu điền theo quyết định 07/QĐ-UBND tỉnh Kon Tum và kết hợp từ các nguồn tài trợ khác…

**III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

**1. Nhiệm vụ**

**1.1. Truyền thông**

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo**;** xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết đẩy mạnh công tác giảm nghèo giai đoạn 2016 – 2020 theo chuẩn nghèo mới.

Tuyên truyền cho cán bộ đảng viên và nhân dân, nhất là hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số thay đổi hành vi, tư duy nhận thức chính sách giảm nghèo, khắc phục tính tự ty, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của nhà nước; hạn chế đến mức thấp nhất tập quán lạc hậu trong sinh hoạt, chi tiêu lãng phí về tiền bạc và thời gian.

**1.2. Về tổ chức bộ máy Ban chỉ đạo huyện và Ban giảm nghèo cấp xã**

- Củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo từ huyện đến cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu quả; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ phối hợp giữa Ban chỉ đạo giảm nghèo của huyện với các cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở và các phòng ban, ngành đoàn thể nhận đỡ đầu xã theo Nghị quyết 04 của Tỉnh ủy (khóa XI).

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng hoạt động của cán bộ phụ trách theo dõi công tác giảm nghèo, kịp thời đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, phát động phong trào thi đua lao động sản xuất tăng thu nhập cho người nghèo, tham mưu tốt cho cấp ủy, chính quyền trong việc tư vấn, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm sản xuất cho nông dân.

**1.3. Tăng cường sự lãnh đạo và kiểm tra của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc thực hiện công tác giảm nghèo**

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và toàn thể xã hội về giảm nghèo. Xem việc triển khai thực hiện công tác giảm nghèo là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể từ huyện đến cơ sở.

- Hàng năm tiến hành rà soát đánh giá hộ nghèo; nguyên nhân đói nghèo, phân công cán bộ, Đảng viên phụ trách hộ, nhóm hộ phối hợp chặc chẽ với các ngành liên quan xây dựng phương án cụ thể, thiết thực về giảm nghèo cho từng hộ, đồng thời tạo điều kiện và cơ hội cho người nghèo tiếp cận nguồn vốn vay, các dịch vụ xã hội như y tế, giáo dục, văn hóa...

- Định kỳ kiểm tra, sơ kết việc thực hiện công tác giảm nghèo, coi đây là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo thực tiễn của cấp ủy đảng. Tích cực đôn đốc thu hồi vốn vay đến hạn để quay vòng vốn tái đầu tư phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, bảo đảm giải ngân các nguồn vốn vay đúng đối tượng, sử dụng có mục đích và có hiệu quả.

- Việc chỉ đạo và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về kinh tế - xã hội phải có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các cấp, các ngành trong việc lồng ghép các chương trình để tăng hiệu quả nguồn vốn. Gắn việc đầu tư xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đi đôi với sử dụng tốt các công trình đã đầu tư đưa vào khai thác, sử dụng có hiệu quả, hạn chế thấp nhất tình trạng đầu tư thiếu trọng tâm, trọng điểm, kém hiệu quả gây lãng phí.

**2. Các giải pháp**

2.1. Đẩy nhanh phát triển kinh tế nông lâm nghiệp, thủy sản, gắn với mở mang các nghề truyền thống và các dịch vụ để người nghèo có cơ hội tiếp cận nhằm làm thay đổi nhận thức, tư duy trong lao động sản xuất. Đẩy mạnh đào tạo nghề cho người lao động trong độ tuổi, lựa chọn các nghề phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

2.2. Tích cực chuyển giao khoa học - kỹ thuật giúp nông dân nâng cao trình độ canh tác, thâm canh tăng vụ, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi; triển khai các nguồn vốn giúp nhân dân phát triển sản xuất, mở rộng kinh doanh tạo nguồn sản phẩm cho xã hội và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn...

2.3. Đối với các xã đặc biệt khó khăn, tăng cường đầu tư của Nhà nước thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ngân sách đầu tư phát triển và vốn tín dụng ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hàng chính sách xã hội; đồng thời đẩy mạnh việc hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra để nhân dân sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, tổ chức tốt hơn việc kết hợp sản xuất cây hàng năm với cây lâu năm để lấy ngắn nuôi dài, tăng nhanh giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích.

2.4. Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nông dân; thực hiện tốt công tác giao rừng và khoán bảo vệ rừng.

2.5. Củng cố, phát triển các loại hình kinh tế hợp tác xã; liên kết với các nhà máy, chế biến nông lâm sản để làm dịch vụ cung ứng “đầu vào, đầu ra” sản phẩm cho nông dân.

- Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng lao động, tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công, hội thảo “đầu bờ”… nhằm hỗ trợ, tư vấn, hướng dẫn chuyển giao khoa học kỹ thuật, các mô hình sản xuất cho thu nhập cao để giúp nông dân học tập, áp dụng vào phát triển sản xuất.

2.6. Tiếp tục tổ chức thực hiện có chính sách hỗ trợ của nhà nước về hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở, nước sinh hoạt. Lồng ghép kết hợp với các nguồn vốn từ các chương trình dự án, huy động các ngành, các cấp và các tầng lớp nhân dân tham gia ủng hộ xây dựng nhà đại đoàn kết cho người nghèo khó khăn về nhà ở.

- Tăng cường công tác truyền thông về dân số, kế hoạch hóa gia đình để mọi người hiểu và chấp hành tốt chủ trương của đảng và nhà nước; bảo đảm mỗi gia đình chỉ có từ 1 đến 2 con, nhằm giảm áp lực về nhu cầu đất sản xuất, chống thất nghiệp, thiếu việc làm.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình phủ sóng phát thanh, truyền hình, tăng cường các hoạt động văn hóa, thông tin, tuyên truyền hướng về cơ sở; tăng thời lượng và nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số.

2.7. Ưu tiên đầu tư xây dựng trường học và bố trí đủ lực lượng giáo viên cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đáp ứng nhu cầu của con em trên địa bàn. Từng bước xây dựng các trường chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phát huy hiệu quả của các trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, Thị trấn, phối hợp trung tâm GDNN-GDTX huyện để làm cầu nối chuyển giao khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm làm ăn cho người nông dân.

2.8. Phải xem công tác giảm nghèo là nhiệm vụ trọng tâm hàng năm của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể. Mỗi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu đi đầu trong phong trào phát triển kinh tế gia đình, để quần chúng học tập noi theo. Việc phân loại tổ chức cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên công chức hàng năm phải gắn với công tác giảm nghèo ở những thôn, làng, được phân công phụ trách và xác định đây là một trong những tiêu chí để phân loại đánh giá xếp loại và xét thi đua, khen thưởng hàng năm. *(Có dự thảo kế hoạch kèm theo)*

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo và kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ tư (khóa X) nhiệm kỳ 2016-2021 để Uỷ ban nhân dân huyện tổ chức, triển khai thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** -TT HĐND huyện; - Các Ban HĐND;- MTTQVN và các đoàn thể;- Đại biểu HĐND;- Lưu: VT-LT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** **KT. CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****(Đã ký)****Y Sâm** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****HUYỆN SA THẦY** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH**

 **Giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều trên địa bàn**

**huyện Sa Thầy giai đoạn 2016 - 2020**

 Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 16/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Đề án giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều tỉnh Kon Tum giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Chương trình số 24-CTr/HU ngày 14/11/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện, khóa XVI thực hiện Nghị quyết 06/NQ-TU, ngày 24 tháng 8 năm 2016 của Tỉnh ủy Kon Tum về giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều giai đoạn 2016 – 2020;

Uỷ ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều trên địa bàn huyện Sa Thầy giai đoạn 2016-2020 như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

Triển khai công tác giảm nghèo bền vững là một nhiệm vụ quan trọng thường xuyên huy động cả hệ thống chính trị vào cuộc, tập trung mọi nguồn lực hỗ trợ từ Trung ương, tỉnh, nhằm thu hẹp khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng, nông thôn với độ thị, đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, hạn chế tái nghèo; củng cố thành quả giảm nghèo là tạo cơ hội cho hộ nghèo vươn lên thoát nghèo, hộ cận nghèo có điều kiện phát triển thu nhập nâng cao chất lượng cuộc sống.

**2. Yêu cầu**

Việc triển khai chính sách giảm nghèo bền vững phải được thực hiện một cách xuyên suốt từ huyện đến cơ sở. Quá trình triển khai phải có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan, lồng ghép các chương trình mục tiêu Quốc gia về giảm nghèo, tránh triển khai manh mún, thiếu đồng bộ.

**II. THỰC TRẠNG HỘ NGHÈO CỦA HUYỆN**

**1. Thực trạng**

Kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, cận nghèo đầu năm 2016 áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020, Toàn huyện có 4.658 hộ nghèo chiếm 40,30%/tổng số hộ toàn huyện (trong đó hộ nghèo DTTS là: 4.193 chiếm 90,01%), hộ cận nghèo 983 chiếm tỷ lệ 8,50%.

Mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản:

- Tiếp cận các dịch vụ y tế: 578 hộ, chiếm tỷ lệ 12,41%

- Bảo hiểm y tế: 594 hộ, chiếm tỷ lệ 12,41%

- Trình độ giáo dục người lớn: 1589 hộ, chiếm tỷ lệ 34,10%

- Tình trạng đi học của trẻ em: 700hộ, chiếm tỷ lệ 15,03%

- Chất lượng nhà ở: 1.876 hộ, chiếm tỷ lệ 40,30%

- Diện tích nhà ở: 2.026 hộ, chiếm tỷ lệ 9,10%

- Nguồn nước sinh hoạt: 1697 hộ, chiếm tỷ lệ 36,40%

- Hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh: 3.598 hộ, chiếm tỷ lệ 77,20%

- Sử dụng dịch vụ viễn thông: 1.723 hộ, chiếm tỷ lệ 47,1%

- Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin: 2.194 hộ, chiếm tỷ lệ 47,1%

Có 6 xã tỷ lệ hộ nghèo trên 50%: xã Sa Bình (58,32%), xã Ya Ly (51,12%), xã Ya Tăng (54,38%) xã Rờ Kơi (52,62%), xã Mô Rai (62,93%), xã Hơ Moong (71,14%).

**2. Về nguyên nhân dẫn đến nghèo**

- Nhóm nguyên nhân thứ nhất do điều kiện tự nhiên - xã hội: khí hậu khắc nghiệt, thiên tai, bảo lũ hạn hán, đất đai cằn cỗi, địa hình đồi núi phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, kinh tế chậm phát triển, hậu quả chiến tranh để lại.

- Nhóm nguyên nhân thứ 2: người nghèo thiếu kiến thức làm ăn, thiếu vốn, đông con, thiếu lao động, mắc các bệnh hiểm nghèo, có một số ít người dân lười lao động trông chờ ỉ lại chính sách của nhà nước.

- Nhóm nguyên nhân thứ 3: do cơ chế chính sách thiếu đồng bộ, về chính sách đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho các xã khó khăn, chính sách khuyến khích sản xuất vẫn còn manh mún nhỏ lẻ chưa tạo ra nguồn lực lớn để đủ sức thúc đẩy phát triển sản xuất, người nghèo chưa biết áp dụng kiến thức khoa học vào sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt.

**III. MỤC TIÊU GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2016-2020**

**1. Mục tiêu chung**

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống, tăng thu nhập của người nghèo, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo tiếp cận thuận lợi các dịch vụ xã hội cơ bản *(y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin).*

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa có chất lượng và có giá trị kinh tế cao đồng thời gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ nhằm nâng cao thu nhập cho nhân dân. Đến năm 2020 giảm 30% tỷ lệ hộ nghèo so với đầu năm 2016; xóa tình trạng nhà tạm, nhà dột nát; các chương trình, dự án đầu tư phải hướng vào hỗ trợ học nghề giải quyết việc làm, tăng thu nhập đẩy mạnh các chương trình vay vốn lãi suất thấp tạo điều kiện cho người nghèo, cận nghèo phát triển sản xuất.

- Tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm giảm 6%, trước mắt tập trung các nguồn vốn từ các chương trình dự án hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất, hỗ trợ cho người nghèo, cận nghèo có nhu cầu học nghề, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người nghèo, cận nghèo áp dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và chăn nuôi gia súc, gia cầm tăng năng suất lao động.

**2. Mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2020**

- Hộ nghèo đầu năm 2016 là **4658** hộ, chiếm tỷ lệ 40.30%, thực hiện mục tiêu giảm nghèo theo tinh thần Nghị quyết 06/NQ-TU, ngày 24 tháng 8 năm 2016 giao cho các huyện, mỗi năm giảm 6% tỷ lệ hộ nghèo, để đạt được mục tiêu Nghị quyết của tỉnh giao, Ủy ban nhân dân huyện xây dựng mục tiêu giảm nghèo năm 2016 đến 2020 số hộ nghèo phải giảm là **3.298** hộ, đến cuối năm 2020 còn lại **1360** hộ, chiếm tỷ lệ **10,34** % bình quân mỗi năm giảm **6**% tỷ lệ hộ nghèo *(phụ lục 1)*.

- Hộ cận nghèo đầu năm 2016 là **983** hộ, tỷ lệ **8,50**% cuối năm giảm còn lại giảm còn lại **4,39**% *(phụ lục 2)*.

- Phấn đấu đến cuối năm 2020 có 2 xã Hơ Moong, Sa Bình thoát khỏi xã đặc biệt khó khăn.

- 100% người nghèo, người cận nghèo và người dân tộc thiểu số ở các xã vùng có điều kiện kinh tế - Xã hội khó khăn theo Quyết định 1049/QĐ-TTg được cấp thẻ BHYT.

- 90% người nghèo, cận nghèo trên địa bàn huyện được sử dụng nước hợp vệ sinh.

- 100% hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận các dịch vụ y tế, khám, chữa bệnh, 100% trẻ em trong độ tuổi được đến trường, học tập.

- Giải quyết chính sách vay vốn cho hộ nghèo vay vốn tín dụng ưu đãi đầu tư cho sản xuất và chăn nuôi, kinh phí dự kiến cho vay khoảng 37 tỷ.

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất và dân sinh trên địa bàn các xã, đảm bảo phục vụ có hiệu quả đời sống và phát triển sản xuất của người dân:

100% xã có mạng lưới trường mầm non, phổ thông, trung tâm học tập cộng đồng đủ để đáp ứng nhu cầu học tập và phổ biến kiến thức cho người dân;

- Hỗ trợ vay vốn xây dựng nhà ở cho 413 hộ nghèo khó khăn về nhà ở trên địa bàn huyện theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 giai đoạn 2 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tập huấn, hướng dẫn cách làm ăn, chuyển giao khoa học kĩ thuật, hỗ trợ giống cây trồng vật nuôi cho người nghèo theo chương trình khuyến nông.

- Giải quyết cơ bản về chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tổ chức dạy nghề cho lao động nông thôn trong 5 năm (2016 - 2020) là 1.500 lao động, bình quân mỗi năm 300 lao động, đào tạo các nghề ngắn hạn.

- Thực hiện miễn giảm học phí, các khoản đóng góp khác cho 100% học sinh hộ nghèo.

- Hàng năm giới thiệu việc làm cho người lao động vào làm việc tại các công ty, Doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn huyện 100 lao động.

- Phối hợp với Công ty, Doanh nghiệp tổ chức tư vấn giới thiệu việc làm, thông chương trình xuất khẩu lao động, đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài mỗi năm đưa đi 10 lao động, phấn đấu đến cuối năm 2020 giải quyết được 50 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

**IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN**

Nguồn vốn từ các chương trình chính sách, dự án giảm nghèo do UBND tỉnh giao dự toán hàng hàng năm từ các nguồn chương trình 135, 102, 28, Nghị đinh 86/NĐ-CP; Quyết định 167 giai đoạn II, Quyết định 2085 ngày 31/10/2016; Nguồn vốn tín dụng ưu đãi từ NHCSXH; Đề án cao su tiểu điền theo quyết định 07/QĐ-UBND tỉnh Kon Tum và kết hợp từ các nguồn tài trợ khác…

**V. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

**1. Nhiệm vụ**

**1.1. Truyền thông**

Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến quán triệt và triển khai các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo; xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết đẩy mạnh công tác giảm nghèo giai đoạn 2016 – 2020 theo chuẩn nghèo mới.

Tuyên truyền cho cán bộ Đảng viên và nhân dân, nhất là hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số thay đổi hành vi, tư duy nhận thức chính sách giảm nghèo, khắc phục tính tự ty, ỷ lại dựa dẫm vào chính sách hỗ trợ của nhà nước; hạn chế đến mức thấp nhất các tập quán lạc hậu trong sinh hoạt, chỉ tiêu lãng phí về tiền bạc và thời gian.

**1.2.Về tổ chức bộ máy Ban chỉ đạo huyện và Ban giảm nghèo cấp xã**

- Củng cố kiện toàn Ban chỉ đạo từ huyện đến cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu quả; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ phối hợp giữa Ban chỉ đạo giảm nghèo của huyện với các cấp ủy đảng, chính quyền cơ sở và các phòng ban, ngành đoàn thể nhận đỡ đầu xã theo Nghị quyết 04 của Tỉnh ủy (khóa XI).

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng hoạt động của cán bộ phụ trách theo dõi công tác giảm nghèo, kịp thời đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, phát động phong trào thi đua lao động sản xuất tăng thu nhập cho người nghèo, tham mưu tốt cho cấp ủy, chính quyền trong việc tư vấn, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm sản xuất cho nông dân.

**1.3. Tăng cường sự lãnh đạo và kiểm tra của các cấp ủy Đảng, chính quyền trong việc thực hiện công tác giảm nghèo**

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của hệ thống chính trị, các cấp, các ngành và toàn thể xã hội về xóa đói giảm nghèo. Xem việc triển khai thực hiện công tác giảm nghèo là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể từ huyện đến cơ sở.

- Hàng năm tiến hành rà soát đánh giá hộ nghèo; nguyên nhân đói nghèo, phân công cán bộ, Đảng viên phụ trách hộ, nhóm hộ phối hợp chặc chẽ với các ngành liên quan xây dựng phương án cụ thể, thiết thực về giảm nghèo cho từng hộ, đồng thời tạo điều kiện và cơ hội cho người nghèo tiếp cận nguồn vốn vay, các dịch vụ xã hội như y tế, giáo dục, văn hóa...

- Định kỳ có kiểm tra, sơ kết việc thực hiện công tác giảm nghèo, coi đây là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo thực tiễn của cấp ủy đảng. Tích cực đôn đốc thu hồi vốn vay đến hạn để quay vòng vốn tái đầu tư phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, bảo đảm giải ngân các nguồn vốn vay đúng đối tượng, sử dụng có mục đích và có hiệu quả.

- Việc chỉ đạo và thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về kinh tế - xã hội phải có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các cấp, các ngành trong việc lồng ghép các chương trình để tăng hiệu quả nguồn vốn. Gắn việc đầu tư xây dựng kết cấu cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội đi đôi với sử dụng tốt các công trình đã đầu tư đưa vào khai thác, sử dụng có hiệu quả, hạn chế thấp nhất tình trạng đầu tư thiếu trọng tâm, trọng điểm, kém hiệu quả gây lãng phí.

**2. Các giải pháp**

2.1. Đẩy nhanh phát triển kinh tế nông lâm nghiệp, thủy sản, gắn với mở mang các nghề truyền thống và các dịch vụ để người nghèo có cơ hội tiếp cận nhằm làm thay đổi nhận thức, tư duy trong lao động sản xuất. Đẩy mạnh đào tạo nghề cho người lao động trong độ tuổi, lựa chọn các nghề phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Hàng năm ngoài các nguồn vốn đầu tư của TW, của tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện giành một khoản ngân sách phù hợp để hỗ trợ nhân dân chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nhằm tạo ra vùng sản xuất chuyên canh tập trung gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ để từng bước thực hiện tốt công tác giảm nghèo theo hướng bền vững.

2.2. Tích cực chuyển giao khoa học - kỹ thuật giúp nông dân nâng cao trình độ canh tác, thâm canh tăng vụ, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi; triển khai các nguồn vốn giúp nhân dân phát triển sản xuất, mở rộng kinh doanh tạo nguồn sản phẩm cho xã hội và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn; đảm bảo cung cấp các loại dịch vụ giống, vật tư nông nghiệp, thú y, bảo vệ thực vật, các mặt hàng thiết yếu phục vụ đời sống và tiêu thụ hàng nông sản cho nông dân, kết hợp nguồn vốn vay tín chấp qua các kênh của đoàn thể để phát triển sản xuất, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa; trồng cây bời lời, cao su, cà phê, cây tiêu, cây ăn quả như: Cây bơ, sầu riêng,…; nuôi bò sinh sản, nuôi heo, ngoài ra cần chú trọng phát triển thêm ngành nghề phụ, tận dụng các sản phẩm nông nghiệp đưa vào sản xuất chăn nuôi và dịch vụ phi nông nghiệp khác.

2.3. Đối với các xã đặc biệt khó khăn, tăng cường đầu tư của Nhà nước thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ngân sách đầu tư phát triển và vốn tín dụng ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hàng chính sách xã hội; đồng thời đẩy mạnh việc hướng dẫn, đôn đốc kiểm tra để nhân dân sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, tổ chức tốt hơn việc kết hợp sản xuất cây hàng năm với cây lâu năm để lấy ngắn nuôi dài, tăng nhanh giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích.

2.4. Đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nông dân; thực hiện tốt công tác giao rừng và khoán bảo vệ rừng.

2.5. Củng cố, phát triển các loại hình kinh tế hợp tác xã; liên kết với các nhà máy, chế biến nông lâm sản trong khu vực huyện, tỉnh để làm dịch vụ cung ứng “đầu vào, đầu ra” sản phẩm cho nông dân.

- Tăng cường bồi dưỡng kỹ năng lao động, tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức về khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công, hội thảo “đầu bờ”… nhằm hỗ trợ, tư vấn, hướng dẫn chuyển giao khoa học kỹ thuật, các mô hình sản xuất cho thu nhập cao để giúp nông dân học tập, áp dụng vào phát triển sản xuất.

2.6. Tiếp tục tổ chức thực hiện có chính sách hỗ trợ của Nhà nước về hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở, nước sinh hoạt. Lồng ghép kết hợp với các nguồn vốn từ các chương trình dự án, huy động của các ngành, các cấp và các tầng lớp nhân dân tham gia ủng hộ xây dựng nhà đại đoàn kết cho người nghèo khó khăn về nhà ở.

- Tăng cường công tác truyền thông về dân số, kế hoạch hóa gia đình để mọi người hiểu và chấp hành tốt chủ trương của Đảng và Nhà nước; bảo đảm mỗi gia đình chỉ có 1-2 con, nhằm giảm áp lực về nhu cầu đất sản xuất, chống thất nghiệp, thiếu việc làm.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình phủ sóng phát thanh, truyền hình, tăng cường các hoạt động văn hóa, thông tin, tuyên truyền hướng về cơ sở; tăng thời lượng và nâng cao chất lượng các chương trình phát thanh, truyền hình bằng tiếng dân tộc thiểu số.

2.7. Ưu tiên đầu tư xây dựng trường học và bố trí đủ lực lượng giáo viên cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đáp ứng nhu cầu của con em trên địa bàn. Từng bước xây dựng các trường chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo; phát huy hiệu quả của các trung tâm học tập cộng đồng tại các xã, Thị trấn, phối hợp trung tâm GDNN-GDTX huyện để làm cầu nối chuyển giao khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm làm ăn cho người nông dân.

 2.8. Phải xem công tác giảm nghèo là nhiệm vụ trọng tâm hàng năm của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể, để có kế hoạch phân công cấp ủy viên, cán bộ chính quyền, mặt trận và các đoàn thể phụ trách nhóm hộ, chỉ đạo các thôn, làng, xác định rõ biện pháp, thời gian cụ thể cho từng hộ nghèo hướng dẫn hộ nghèo về phương pháp trong trồng trọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm nâng cao hiệu quả kinh tế, tăng thu nhập để người nghèo vươn lên thoát nghèo.

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Quản lý điều hành**

**1.1. Kiện toàn Ban chỉ đạo Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo của huyện đến xã, thị trấn**

**- Cấp huyện:** UBND huyện thành lập chỉ đạo Ban chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo của huyệngiai đoạn 2016 - 2020 do Chủ tịch UBND huyện làm trưởng ban chỉ đạo, Phòng Tài chính - Kế hoạch là cơ quan thường trực tổng hợp 02 chương trình (Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững), Phòng LĐ-TB&XH là cơ quan chủ trì Chương trình mục tiêu tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, tham mưu tổ chức triển khai kế hoạch giảm nghèo đa chiều, các thành viên liên quan thành viên Ban chỉ đạo.

**- Cấp xã:** Thành lập Ban giảm nghèo cấp xã, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Trưởng Ban, để tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn xã.

**1.2. Tổ chức mạng lưới, cơ chế hoạt động, chức năng nhiệm vụ, chế đội đối với cộng tác viên làm công tác giảm nghèo trên địa bàn huyện.**

***1.2.1. Tổ chức mạng lưới cộng tác viên giảm nghèo cơ sở***

- Số lượng : Mỗi xã, Thị trấn chọn 01 công tác viên.

- Đối tượng: là Trưởng hoặc phó của tổ chức đoàn thể cấp xã.

- Tiêu chí lựa chọn: Là cán bộ là người tại chỗ, có năng lực uy tín và trách nhiệm.

***1.2.2. Cơ chế hoạt động***

**-** Phòng LĐ-TB&XH là cơ quan quản lý theo dõi các hoạt động của mạng lưới cộng tác viên trên địa bàn huyện và chi trả trợ cấp khi hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Tổ chức đoàn thể cấp xã, được lựa chon cử cán bộ tham gia cộng tác viên có trách nhiệm bố trí công việc phù hợp cho cán bộ tham gia cộng tác viên; lồng ghép nhiệm vụ chuyên môn và nhiệm vụ cộng tác viên hợp lý, tránh chồng chéo.

- UBND cấp xã phối hợp tạo điều kiện cho cộng tác viên tham gia vào các hoạt động, chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tại địa phương.

- Cộng tác viên thực hiện công việc cụ thể thông qua kế hoạch công tác năm và chương trình công tác cụ thể hàng tháng trên địa bàn xã, thị trấn do Phòng LĐ-TB&XH huyện giao và báo cáo kết quả thực hiện hàng tháng cho Phòng LĐ- TB&XH.

***1.2.3. Phụ cấp và kinh phí chi trả cộng tác viên***

 - Phụ cấp: Được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 50% mức lương lương tối thiểu do Chính phủ quy định.

- Nguồn kinh phí chi trả chế độ cho công tác viên (giai đoạn 2017 - 2020) do nguồn ngân sách tỉnh bố trí hàng năm.

**2. Phân công trách nhiệm**

**2.1. Phòng Lao động - Thương binh và xã hội** ***(cơ quan thường trực BCĐ Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững)***

- Tham mưu cho BCĐ giảm nghèo huyện triển khai thực hiện kế hoạch giảm nghèo năm 2016 - 2020 theo đúng tiến độ đạt kết quả. Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện chương trình và đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, ưu tiên hộ nghèo thuộc diện các gia đình chính sách, hộ nghèo dân tộc thiểu số và các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, các xã thuộc chương trình 135.

- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát, thẩm định cấp thẻ BHYT, miễn giảm học phí cho người nghèo kịp thời, đúng đối tượng.

- Làm cơ quan đầu mối theo dõi, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch giảm nghèo đa chiều.

- Định kỳ tham mưu cho UBND huyện, Ban chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả thực hiện kế hoạch giảm nghèo, hướng dẫn các xã, Thị trấn lập sổ theo dõi hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn và lập kế hoạch giảm nghèo hàng năm.

**2.2. Phòng Dân tộc**

- Tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc các cơ quan liên quan, UBND các xã, Thị trấn, triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách dân tộc giai đoạn 2016 - 2020; xây dựng kế hoạch thực hiện các mục tiêu thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số, gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015 theo Quyết định 1557/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện quyết định 2085/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển kinh tế- xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2020.

**2.3. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Tập huấn, hướng dẫn hộ nghèo kiến thức kỹ năng xây dựng kế hoạch sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để sản xuất, kinh doanh, tăng thu nhập, chú trọng các sản phẩm có giá trị kinh tế cao.

- Phối hợp các đơn vị hỗ trợ trực tiếp hộ nghèo cây, con giống có năng suất cao, phân bón, vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất từ các chương trình hỗ trợ của nhà nước. Xây dựng phương án chuyển đổi ngành nghề đối với những hộ thiếu đất sản xuất nhưng không có quỹ đất để bố trí.

**2**.**4. Phòng Giáo dục và Đào tạo**

- Thực hiện tốt chính sách miễn giảm học phí, tiền xây dựng và các khoản đóng góp khác đối với học sinh nghèo, cận nghèo. Thực hiện tốt công tác hỗ trợ đối với học sinh tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông ở các xã thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc miền núi, theo Nghị định số 116/NĐ-CP ngày 18/ 7/2016 của Chính phủ và Nghị định số 86/2015 ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hộ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020.

- Triển khai thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục, huy động các tổ chức, Doanh nghiệp hỗ trợ sách, vở, đồ dùng học tập, cấp học bổng cho học sinh nghèo vượt khó.

**2.5. Phòng Kinh tế - Hạ tầng**

Chủ trì, phối hợp các đơn vị, các xã, thị trấn tổ chức làm tốt công tác làm nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12/12/2008 giai đoạn 2 của Thủ tướng Chính phủ.

**2**.**6. Phòng Tài chính – Kế hoạch**

- Đề xuất kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh ở các xã, Thị trấn, đặc biệt ưu tiên các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao và khó khăn. Bố trí nguồn lực cho chương trình giảm nghèo năm 2016 - 2020, cơ chế, chính sách, lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế xã hội khác của huyện.

- Tham mưu bố trí vốn cho các ngành, các xã Thị trấn triển khai thực hiện kế hoạch, hướng dẫn quản lý, sử dụng, quyết toán nguồn kinh phí thực hiện kế hoạch giảm nghèo theo quy định về phân cấp quản lý Ngân sách nhà nước hiện hành.

**2.7. Phòng Tư pháp**

Tổ chức các hoạt động tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho người nghèo. Nâng cao năng lực và hiệu quả các cơ sở tư vấn trợ giúp pháp lý, thực hiện tư vấn trợ giúp miễn phí cho người nghèo.

**2**.**8. Phòng Văn hóa Thông tin**

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo, kinh nghiệm và những mô hình giảm nghèo thành công của các xã, Thị trấn, khích lệ các hộ vươn lên thoát nghèo.

**2.9. Đài Truyền thanh, truyền hình huyện**

Tăng cường xây dựng các chuyên mục, tin, bài nhằm tuyên truyền vận động thực hiện kế hoạch của huyện và các chương trình khuyến nông, khuyến công, nêu gương các cá nhân, hộ gia đình vượt khó vươn lên để thoát nghèo.

**2.10. Phòng Nội vụ *(Thường trực Hội đồng Thi đua khen thưởng huyện)***

Căn cứ kế hoạch và kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo hàng năm để tham mưu cho Hội đồng thi đua khen thưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tổ chức bình xét, khen thưởng các đơn vị hoàn thành tốt chỉ tiêu kế hoạch giảm nghèo hàng năm.

**2**.**11. Ban giảm nghèo Tây Nguyên**

Tập trung nguồn kinh phí ưu tiên triển khai đầu tư hỗ trợ các mô hình sinh kế cho người nghèo, người cận nghèo và cộng đồng ở khu vực thôn, làng đặc biệt khó khó khăn.

**2.12. Trung tâm Y tế**

Triển khai thực hiên tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân tại các cơ sở y tế xã, Thị trấn.

**2.13 . Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện**

Phối hợp với các phòng ban liên quan và UBND các xã, Thị trấn triển khai thực hiện tốt Nghị định số 78/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về chính sách vay vốn cho người nghèo.

Thực hiện tốt các chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, cận nghèo (kể cả hộ mới thoát nghèo), học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Ưu tiên hộ nghèo là người dân tộc thiểu số, Phối hợp với các ban ngành, Hội, đoàn thể, các xã thị trấn, hướng dẫn hộ nghèo sử dụng vốn vay có hiệu quả.

**2.14. Bảo hiểm xã hội huyện**

Phối hợp các đơn vị thực hiện cấp thẻ BHYT cho người nghèo, cận nghèo, đối tượng BTXH và đồng bào dân tộc thiểu số thuộc xã 135 đảm bảo đúng tiến độ và thanh toán chi phí khám chữa bệnh kịp thời.

**2.15.** **Thanh tra huyện**

Xây dựng kế hoạch thanh tra hàng năm đối với các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo để tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện đánh giá toàn diện về công tác quản lý, sử dụng nguồn vốn, kịp thời khắc phục, chấn chỉnh ngay những thiếu sót, bất cập trong việc triển khai thực hiện các chính sách tại địa phương.

**2.16. Đối với UBND các xã, thị trấn**

- Tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng; chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo trong cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn.

- Xây dựng kế hoạch, bố trí ngân sách và huy động các nguồn lực để thực hiện kế hoạch giảm nghèo tại địa phương; tập trung các nguồn lực để hỗ trợ các thôn có tỷ lệ hộ nghèo cao, hoàn thành chỉ tiêu xóa nhà hư hỏng của hộ nghèo, hỗ trợ 100% hộ nghèo diện chính sách, hộ có công thoát nghèo, giao chỉ tiêu giảm nghèo cho từng thôn, làng, phân công trách nhiệm các cán bộ, hội đoàn thể giúp đỡ các hộ nghèo.

- Phối hợp chặt chẽ các phòng ban, ngành, hội, đoàn thể được nhận ủy thác cho vay, tổ chức hướng dẫn cách làm ăn, chi tiêu, vận động nhân dân thực hiện tốt chính sách kế hoạch hóa gia đình…

- Phối hợp các đơn vị tổ chức dạy nghề ngắn hạn cho người nghèo, người khuyết tật. Vận động các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn tiếp nhận con em hộ nghèo vào làm việc.

- Lập sổ theo dõi, quản lý hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn; hàng năm thực hiện tốt công tác kiểm tra đánh giá, xét hộ thoát nghèo đúng quy định.

**2.17. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và hội, đoàn thể huyện**

- Chủ động phối hợp với các đơn vị, UBND các xã, Thị trấn tuyên truyền vận động, hướng dẫn cách thức làm ăn cho các hộ nghèo. Vận động các tổ chức, cơ quan, đơn vị, các hộ khá, giàu nhận giúp đỡ, hướng dẫn cách làm ăn cho các hộ nghèo.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao chất lượng cuộc vận động “Ngày vì người nghèo”. Tăng cường các biện pháp vận động xây dựng và phát huy hiệu quả nguồn Quỹ “Vì người nghèo” các cấp để hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở, trợ cấp khó khăn./.